

DOCAT

MỖI TUẦN MỘT ĐỀ TÀI - TUẦN 85

CÁC NGUYÊN TẮC TRÊN PHỐI HỢP VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?



Như chúng ta biết, con người là một hữu thể có tính xã hội. Mà xã hội có thể được định nghĩa là một “mạng lưới” của các mối tương quan. Không có bất kỳ người nào hoàn toàn sống trong cô độc mà không có một mối tương quan nào, hay ít nhất không khao khát có được một mối tương quan chân thật. Sống trong “mạng lưới” của các tương quan xã hội, con người cũng sẽ bị chi phối bởi những nguyên tắc cần thiết để bảo vệ các tương quan xã hội. Tuần trước chúng ta đã nêu ra bốn nguyên tắc chính, đó là (1) nguyên tắc về nhân phẩm (phẩm giá của con người); (2) nguyên tắc về công ích (lợi ích chung); (3) nguyên tắc hỗ trợ (trợ giúp thêm chứ không làm thay); (4) nguyên tắc liên đới. Bốn nguyên tắc này không hoạt động cách riêng rẽ, nhưng phối hợp với nhau cách chặt chẽ như các tương quan trong “mạng lưới tương quan” của con người. Sự tương tác giữa bốn nguyên tắc trên được DOCAT diễn tả như sau:

Bốn nguyên tắc trên liên quan với nhau. Chúng ta không thể tách rời chúng hay đặt một nguyên tắc làm nguyên do chống lại các nguyên tắc còn lại. Nếu chúng ta áp dụng bốn nguyên tắc cùng nhau, chúng ta sẽ hiểu sâu sắc thực tại xã hội. Ví dụ: “gia đình” là một thực tại xã hội đáng giá và xứng đáng được bảo vệ; trong gia đình, con người có thể phát triển phẩm giá của mình; trong tổ ấm ấy, gia đình là nơi thực hành tình liên đới. Tuy nhiên, một gia đình cũng cần tình liên đới với những gia đình khác, vì nếu thiếu sự hỗ trợ từ bên ngoài, gia đình không thể đóng góp phần đặc trưng của mình cho công ích. Dù vậy, khi giúp đỡ gia đình, các cấp thẩm quyền cao hơn không được phép lấy đi những gì gia đình có thể tự làm, ví dụ như việc nuôi dạy con cái (nguyên tắc hỗ trợ).

Đọc những lời trên, điều đầu tiên chúng ta lưu ý là việc DOCAT khẳng định rằng bốn nguyên tắc của giáo huấn xã hội của Giáo Hội liên quan mật thiết với nhau. Mối liên quan này được nhìn theo hai khía cạnh: (1) Chúng không thể tách rời, và (2) chúng không thể được đặt đối kháng nhau. Nếu xem xét kỹ, chúng ta sẽ nhận ra rằng khía cạnh thứ hai – bốn nguyên tắc không được đặt đối kháng nhau, là hệ quả của khía cạnh thứ nhất – các nguyên tắc không thể tách rời. Khi một thực tại hợp nhất trong chính nó, thì mọi cấu tạo làm việc hoà hợp với nhau mà không đối kháng nào xảy ra, vì nếu có sự đối kháng thì sẽ có sự phân tách hoặc chia rẽ xảy ra cách nội tại trong thực tại đó. Như vậy, hai khía cạnh này diễn tả một điều – các nguyên tắc tạo nên một thể thống nhất.

Nhìn từ khía cạnh hợp nhất không tách rời, bốn nguyên tắc trên tạo nên một thể thống nhất để nâng đỡ và bảo vệ tất cả các mối tương quan xã hội của con người. Theo giáo huấn của Giáo Hội, chúng ta phải đánh giá bốn nguyên tắc này trong thể thống nhất của chúng:

Các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội Công giáo phải được đánh giá trong thể thống nhất, trong tính quan hệ và liên kết mạch lạc với nhau của chúng. Sở dĩ có đòi hỏi trên là vì đích thân Giáo Hội đã gán cho học thuyết xã hội của mình ý nghĩa này: đó là coi nó như một tổng hợp giáo lý thống nhất giải thích các thực



tại xã hội hiện nay một cách hệ thống. Nếu có xét riêng rẽ từng nguyên tắc thì việc này không được dẫn đến việc dùng các nguyên tắc ấy từng phần riêng biệt hay dùng một cách sai lạc; đó là trường hợp khi chúng ta dẫn chứng các nguyên tắc ấy một cách rời rạc và không liên kết mạch lạc với những nguyên tắc khác.

Khi hiểu biết một cách sâu xa về mặt lý thuyết, rồi áp dụng cách cụ thể chỉ một trong các nguyên tắc trên thôi, chúng ta sẽ thấy tính chất hỗ tương, bổ túc và liên hệ với nhau giữa các nguyên tắc, như một phần làm nên cơ cấu của các nguyên tắc ấy.¹

Điều cần lưu ý là chúng ta có thể áp dụng một nguyên tắc trong một hoàn cảnh cụ thể, nhưng khi áp dụng nó, chúng ta phải luôn nhớ đến tính thống nhất của bốn nguyên tắc. Bên cạnh đó, chúng ta cũng phải tránh tình trạng sử dụng một nguyên tắc cách sai lạc cho lợi ích riêng của mình. Ví dụ, áp dụng nguyên tắc về nhân phẩm để bắt người khác tôn trọng mình trong khi đó chúng ta lại không tôn trọng nhân phẩm của người khác. Nguyên tắc về nhân phẩm luôn mang tính hỗ tương: Tôi muốn người khác tôn trọng nhân phẩm của tôi, thì chính tôi cũng phải tôn trọng nhân phẩm của người khác. Điều này giúp chúng ta nhận ra rằng khi áp dụng nguyên tắc về nhân phẩm thì đồng thời chúng ta đang thực hành nguyên tắc liên đới. Thật vậy, khi hiểu một nguyên tắc thấu đáo, thì khi áp dụng vào trong các mối tương quan xã hội, chúng ta sẽ nhận ra nguyên tắc được áp dụng liên hệ cách hỗ tương với những nguyên tắc khác.

Tóm lại, vì những nguyên tắc này được rút ra từ luật tự nhiên dựa trên bản tính con người, mà bản tính của con người thì không thể tách rời hay thay đổi hoặc đối kháng trong chính nó. Cái có thể tách rời hay thay đổi trong con người là “cá tính” chứ không thể là “bản tính” người. Con người là người trong mọi hoàn cảnh, còn cá tính tốt hoặc xấu thì tùy thuộc vào sự chọn lựa của người đó. Như chúng ta biết, con người là một hữu thể có lý trí và ý chí. Vì là hữu thể tự do, nên con người có thể chọn cho mình “loại người nào” [tốt hoặc xấu] mình muốn trở thành hoặc loại hành động nào mình muốn thực hiện. Vì có tự do, nên con người phải chịu trách nhiệm về các hành vi của mình như giáo huấn của Giáo Hội dạy: “Có tự do, con người phải chịu trách nhiệm về các hành vi của mình theo mức độ tự do.” Người càng đức hạnh, hiểu biết về sự thiện và sống khổ hạnh, ý chí càng làm chủ được các hành vi.”²

Bên cạnh việc chỉ ra mối liên quan mật thiết của bốn nguyên tắc, giáo huấn của Giáo Hội còn chỉ cho thấy bốn nguyên tắc là phần cốt yếu của thông điệp Kitô giáo [hay có thể gọi là các giá trị Tin Mừng]. Bốn nguyên tắc này “không phải chỉ là một di sản suy tư bền vững, mà còn là một phần cốt yếu trong thông điệp Kitô giáo, vì chúng chỉ cho chúng ta thấy những đường hướng có thể giúp chúng ta xây dựng một đời sống xã hội tốt đẹp, đích thực và mới mẻ.”³ Theo những lời này, một xã hội tốt đẹp, đích thực và mới mẻ chỉ hiện hữu khi các thành viên hiểu và áp dụng cách đúng đắn bốn nguyên tắc xã hội căn bản này. Liên quan đến điều này, giáo huấn của Giáo Hội chỉ ra rằng:

¹ *Toát Yếu về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo*, số 162.

² *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 1734.

³ *Toát Yếu về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo*, số 162.

Nhìn trong toàn thể, các nguyên tắc của học thuyết xã hội chính là sự phát biểu đầu tiên về sự thật của xã hội, mà qua đó mỗi lương tâm được khuyến khích, cũng như được mời gọi cộng tác với các lương tâm khác trong sự thật, trong sự chia sẻ trách nhiệm với mọi người và chịu trách nhiệm về mọi người. Thật vậy, con người không thể né tránh vấn đề tự do và ý nghĩa của đời sống xã hội, vì xã hội không phải là một thực tại ở bên ngoài hay xa lạ với con người.⁴

Giáo huấn của Giáo Hội chỉ ra mối liên quan giữa bốn nguyên tắc xã hội với lương tâm của con người. Nói cách khác, trong lương tâm của mình, mỗi người nghe được tiếng nói: “làm lành, lánh dữ.” Đây chính là luật luân lý nền tảng nhất mà dựa trên đó bốn nguyên tắc trên được xây dựng như là lối diễn tả cụ thể của nó nhìn từ khía cạnh xã hội của con người. Tuy nhiên, chỉ nhận ra và hiểu các nguyên tắc này cách lý thuyết thì chưa đủ. Chúng ta cần phải áp dụng cách nguyên tắc vào trong các mối tương quan xã hội của mình hay đúng hơn là sống những nguyên tắc này trong các mối tương quan xã hội hằng ngày. Một người chỉ biết yêu trên sách vở mà không thực hành trong đời sống thường ngày thì vẫn chưa được xem là người biết yêu thật. Muốn hiểu một thực tại cách trọn vẹn thì phải đi vào trong thực tại đó, sống thực tại đó chứ không như người bàng quan đứng bên ngoài quan sát. Bốn nguyên tắc trên chỉ được hiểu cách trọn vẹn khi chúng ta đem ra thực hành như Giáo Hội dạy:

Muốn hiểu trọn vẹn các nguyên tắc này, cần hành động phù hợp với những nguyên tắc ấy, đi theo con đường phát triển mà chúng đã vạch ra để có một cuộc sống xứng đáng với con người. Yêu cầu đạo đức nằm trong chính các nguyên tắc xã hội xuất sắc ấy là yêu cầu có liên quan tới cách ứng xử của mỗi cá nhân mà trong đó họ là chủ thể chịu trách nhiệm đầu tiên và quan trọng của đời sống xã hội, bất kể ở cấp độ nào, và đồng thời cũng liên quan tới các định chế được biểu hiện bởi luật pháp, bởi các quy phạm đã trở thành thông lệ và bởi các cấu trúc dân sự, vì những nhân tố này có thể ảnh hưởng và chi phối các sự lựa chọn của con người trong một thời gian dài. Thật vậy, các nguyên tắc ấy nhắc chúng ta nhớ rằng một xã hội có mặt trong lịch sử là do có nỗ lực liên kết những sự tự do của tất cả những người đang hoạt động trong xã hội ấy, họ đóng góp qua những lựa chọn của mình để xây dựng xã hội hay làm cho nó nghèo đi.⁵



Cuối cùng, DOCAT chỉ ra rằng, chỉ khi áp dụng bốn nguyên tắc cùng nhau, chúng ta mới hiểu cách sâu sắc thực tại xã hội. DOCAT đưa ra cho chúng ta một ví dụ cụ thể của một trong những thực tại xã hội, đó là gia đình. Theo giáo huấn của Giáo Hội, gia đình được xem là “tế bào” của xã hội [và Giáo Hội]. Nếu tế bào sống lành mạnh thì xã hội sẽ lành mạnh, còn tế bào bị “ung thư” thì xã hội sẽ đối diện với sự chết, nhất là sự chết của đời sống luân lý. Thật vậy, gia đình là tế bào căn bản của đời sống xã hội, là xã hội tự nhiên, nơi đó người nam và người nữ được mời gọi tận hiến cho nhau trong tình yêu và trong việc thông truyền sự sống. Quyền bính, sự ổn định và đời sống gắn bó trong gia đình là nền tảng cho tự do, an ninh và tình huynh đệ của xã hội: “Gia đình là cộng đoàn, nơi đó từ thời thơ ấu,

⁴ *Toát Yếu về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo*, số 163.

⁵ *Toát Yếu về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo*, số 163.

con người được học biết tôn trọng những giá trị luân lý, tôn thờ Thiên Chúa và biết sử dụng tự do. Đời sống gia đình chuẩn bị cho đời sống xã hội.”⁶

⁶ *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 2207.